ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
Số: 822 /TB-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ IV LỚP ĐẠI HỌC K1B HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH LUẬT

Địa điểm mở lớp: Trường Đại học Khoa học **Khóa học: 2014 - 2019**

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật hiến pháp						Luật ngân hàng						Phương pháp luận NCKH						Tiếng Việt thực hành						Tiếng Anh chuyên ngành					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
							4						2						2						2						4					
1	LHG1B.05	Hoàng Thị	Bài	25.11.1989	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	6.5	7.3	3	B
2	LHG1B.06	Hoàng Văn	Bản	20.10.1991	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	4	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.5	8.0	8.2	3	B
3	LHG1B.07	Nguyễn Văn	Bảo	09.12.1985	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	7.0	6.5	6.7	2	C	2	7.5	8.0	7.9	3	B
4	LHG1B.14	Lưu Mạnh	Cường	04.04.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B
5	LHG1B.15	Hoàng Cao	Cường	12.01.1972	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
6	LHG1B.18	Nông Quang	Chất	19.01.1979	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A
7	LHG1B.19	Hoàng Văn	Che	12.04.1989	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A
8	LHG1B.25	Hoàng Văn	Chúc	17.01.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	9.5	8.9	4	A
9	LHG1B.29	Lý Sinh	Dân	06.12.1982	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	8.5	6.0	6.8	2	C	2	6.0	8.0	7.4	3	B
10	LHG1B.37	Đỗ Quý	Dũng	10.12.1986	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
11	LHG1B.38	Lý Ngọc	Dũng	25.02.1980	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	9.0	6.0	6.9	2	C	2	9.0	6.0	6.9	2	C
12	LHG1B.39	Hoàng Thị	Dưa	25.11.1979	Nữ	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	6.5	5.5	5.8	2	C	2	6.0	9.0	8.1	3	B
13	LHG1B.40	Mai Trọng	Dược	31.10.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
14	LHG1B.41	Đặng Hà	Đại	15.08.1995	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	6.0	9.0	8.1	3	B
15	LHG1B.42	Nguyễn Văn	Đại	16.11.1982	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	6.0	6.0	6.0	2	C	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
16	LHG1B.44	Hoàng Quốc	Đạo	05.05.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	6.5	7.3	3	B
17	LHG1B.46	Lục Thị	Đôi	18.09.1989	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
18	LHG1B.51	La Văn	Hà	06.08.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	10.0	9.6	4	A
19	LHG1B.54	Đỗ Văn	Hậu	05.10.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	8.5	5.5	6.4	2	C	2	7.5	7.0	7.2	3	B
20	LHG1B.56	Lò Văn	Hín	22.06.1989	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B
21	LHG1B.57	Lò Văn	Họ	29.04.1986	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
22	LHG1B.59	Sầm Thị	Hoàn	25.01.1984	Nữ	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.5	9.0	8.9	4	A
23	LHG1B.66	Lù Văn	Huệ	02.11.1989	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	8.5	6.0	6.8	2	C	2	8.0	9.0	8.7	4	A
24	LHG1B.67	Đinh Văn	Hùng	12.08.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
25	LHG1B.69	Hoàng Thị	Huyền	25.08.1988	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A
26	LHG1B.70	Hoàng Thị	Huyền	03.05.1986	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.5	10.0	9.6	4	A

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật hiến pháp						Luật ngân hàng						Phương pháp luận NCKH						Tiếng Việt thực hành						Tiếng Anh chuyên ngành					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
							4						2						2						2						4					
27	LHG1B.72	Lương Thị	Kiểm	16.03.1985	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	7.5	7.0	7.2	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
28	LHG1B.75	Nguyễn Đình	Khiếu	29.01.1981	Nam	Hà Giang	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A
29	LHG1B.76	Vương Tiến	Lâm	22.10.1975	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	7.0	5.5	6.0	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
30	LHG1B.82	Phan Thanh	Long	04.01.1991	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
31	LHG1B.83	Đỗ Đức	Long	24.04.1979	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
32	LHG1B.86	Ma Văn	Lơ	07.09.1990	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.0	9.5	8.8	4	A
33	LHG1B.87	La Văn	Luân	10.04.1989	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
34	LHG1B.98	Vàng Văn	Nam	20.11.1979	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	5.5	6.6	2	C	2	8.0	9.0	8.7	4	A
35	LHG1B.101	Hoàng Thị	Nương	02.06.1988	Nữ	Hà Giang	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B
36	LHG1B.102	Hoàng Thị	Nga	22.09.1984	Nữ	Hà Giang	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	7.5	6.5	6.8	2	C	2	7.5	9.0	8.6	4	A
37	LHG1B.103	Vi Quang	Nghị	14.01.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	7.5	6.0	6.5	2	C	2	7.5	9.0	8.6	4	A
38	LHG1B.104	Hoàng Văn	Nhận	29.02.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	9.0	9.5	9.4	4	A
39	LHG1B.108	Vùi Văn	Phong	11.01.1987	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	5.0	6.1	2	C	2	7.5	7.5	7.5	3	B
40	LHG1B.112	Lù Văn	Phúc	12.12.1979	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	6.0	6.5	6.4	2	C
41	LHG1B.114	Ma Thị	Phương	12.11.1980	Nữ	Hà Giang	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
42	LHG1B.115	Nguyễn Hoài	Quang	23.12.1967	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B
43	LHG1B.120	Giàng Văn	Sơn	20.02.1976	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	6.0	6.0	6.0	2	C
44	LHG1B.123	Nguyễn Thị	Tám	24.05.1988	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A
45	LHG1B.127	Hoàng Ngọc	Tâm	12.11.1992	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	7.5	6.5	6.8	2	C	2	7.0	7.0	7.0	3	B
46	LHG1B.128	Triệu Tiến	Tình	21.11.1988	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	8.0	7.4	3	B	4	6.5	7.0	6.9	2	C	2	7.0	9.0	8.4	3	B
47	LHG1B.130	Hầu Mí	Tính	18.12.1985	Nam	Hà Giang	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	7.0	6.5	6.7	2	C	2	8.0	9.0	8.7	4	A
48	LHG1B.134	Trần Thanh	Tuấn	10.06.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.5	5.5	6.4	2	C	2	9.0	9.5	9.4	4	A
49	LHG1B.136	Nguyễn Thanh	Tuấn	25.04.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
50	LHG1B.139	Đặng Hà	Tùng	26.04.1989	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	6.0	8.0	7.4	3	B	4	8.5	5.5	6.4	2	C	2	9.0	9.0	9.0	4	A
51	LHG1B.143	Hù Văn	Thanh	12.09.1970	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	9.0	6.0	6.9	2	C	2	9.0	6.5	7.3	3	B
52	LHG1B.145	Nguyễn Văn	Thắng	10.08.1983	Nam	Hà Giang	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	9.5	8.0	8.5	4	A
53	LHG1B.146	Lù Văn	Thắng	20.09.1981	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
54	LHG1B.155	Ly Văn	Thịnh	02.04.1991	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.0	5.5	6.3	2	C	2	9.0	8.0	8.3	3	B
55	LHG1B.157	Chìn Văn	Thu	02.11.1990	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
56	LHG1B.158	Hoàng Thị	Thu	05.08.1985	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	9.0	9.5	9.4	4	A
57	LHG1B.160	Dương Văn	Thụ	18.12.1988	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	7.0	7.0	7.0	3	B	2	8.0	9.5	9.1	4	A
58	LHG1B.161	Vũ Thị	Thủy	02.05.1992	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	6.0	8.0	7.4	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B
59	LHG1B.162	Lô Kim	Thụy	30.03.1991	Nữ	Hà Giang	4	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.0	10.0	9.1	4	A

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật hiến pháp						Luật ngân hàng						Phương pháp luận NCKH						Tiếng Việt thực hành						Tiếng Anh chuyên ngành					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
							4						2						2						2						4					
60	LHG1B.165	Hoàng Ngọc	Thương	04.09.1993	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	7.0	6.5	6.7	2	C	2	8.0	9.0	8.7	4	A
61	LHG1B.166	Hoàng Văn	Trọng	24.07.1985	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	6.0	8.0	7.4	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B
62	LHG1B.168	Quách Trung	Trực	14.10.1980	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	9.0	9.5	9.4	4	A
63	LHG1B.169	Hoàng Văn	Trường	07.12.1987	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	7.5	6.5	6.8	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
64	LHG1B.171	Nông Hữu	Trường	01.10.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	2	7.0	6.0	6.3	2	C	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
65	LHG1B.175	Hoàng Văn	Việt	24.10.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
66	LHG1B.176	Lục Quốc	Việt	09.08.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	6.5	6.0	6.2	2	C
67	LHG1B.180	Phùng Xuân	Xín	07.12.1983	Nam	Hà Giang	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B
68	LHG1B.181	Hoàng Thị	Xuyến	13.03.1988	Nữ	Hà Giang	4	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	7.5	9.0	8.6	4	A
69	LHG1B.183	Nguyễn Đình	Lưỡng	25.11.1982	Nam	Hà Nội	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	7.0	7.6	3	B	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	9.5	9.5	9.5	4	A
70	LHG1B.184	Hoàng Văn	Chuyên	22.12.1974	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A
71	LHG1B.185	Hoàng Trung	Hiếu	10.09.1976	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	7.0	6.0	6.3	2	C	2	6.0	7.0	6.7	2	C
72	LHG1B.186	Nông Thị	Huyên	28.10.1984	Nữ	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B
73	LHG1B.187	Chẩn Seo	Lử	12.05.1994	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C
74	LHG1B.188	Sùng Seo	Nhà	03.10.1978	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	7.5	6.5	6.8	2	C	2	8.0	6.0	6.6	2	C	4	8.0	5.5	6.3	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B
75	LHG1B.189	Sèn Văn	Quang	07.07.1979	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.0	6.6	2	C	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.0	6.9	2	C	2	6.0	5.5	5.7	2	C
76	LHG1B.190	Lừu Văn	Sán	12.09.1984	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.5	6.5	7.1	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B
77	LHG1B.191	Vàng Văn	Sinh	26.03.1973	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	8.5	7.0	7.5	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
78	LHG1B.192	Nguyễn Vĩnh	Huy	14.06.1991	Nam	Hà Giang	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
79	LHG1B.193	Vương Văn	Sinh	16.10.1980	Nam	Hà Giang	4	8.0	6.5	7.0	3	B	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	4	9.0	5.5	6.6	2	C	2	9.0	9.5	9.4	4	A
80	LHG1B.194	Nguyễn Thu	Thủy	16.09.1989	Nữ	Hà Giang	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	4	7.5	7.5	7.5	3	B	2	9.0	10.0	9.7	4	A

Bảng quy đổi điểm

Thang điểm 10	*Thang điểm chữ*	*Thang điểm 4*	*Ghi chú*
8.5 đến 10	**A**	**4**	Những sinh viên có điểm học phần đạt điểm **F** là những sinh viên chưa qua học phần đó và phải học lại
7.0 đến 8.4	**B**	**3**	
5.5 đến 6.9	**C**	**2**	
4.0 đến 5.4	**D**	**1**	
0.0 đến 3.9	**F**	**0**	

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PGS.TS. Trịnh Thanh Hải

Nơi nhận:
- Các Phòng: CT-HSSV, KH-TC;
- Khoa Luật & QLXH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.